TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/DS-PT
Ngày: 04-3-2020
Vv tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- THành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Phượng

Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020, về "tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 202/2019/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2020/QĐPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1940.

Địa chỉ cư trú: Thôn Sơn Hiệp, xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Nh: Bà Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Mũi Lớn 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, THành phố H.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 26/4/2019)

- *Bị đơn*: Bà Đặng Thị Thu H (Bà Đặng Thu H), sinh năm 1954.

Địa chỉ cư trú: Ô 4, khu A, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh L

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà H: Ông Thái Hoàng D, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh L.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 02/10/2019)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Huỳnh Thị Thu Ph, sinh năm 1979 (vắng mặt).
2. Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1990 (có mặt).
3. Ông Vòng La Hoài M, sinh năm 1976 (có mặt).
4. Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1982 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ô 4, khu A, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh L.

5. Bà Đặng Thị Ngọc M, sinh năm 1977 (vắng mặt).
6. Ông Phan Văn T, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ô 4, khu A, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh L.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Đặng Thị Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/01/2019 của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn Nh, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm nguyên đơn do Bà Nguyễn Ngọc Đ trình bày như sau:

Cha, mẹ của ông Nh là cụ Nguyễn Văn C (chết năm 1949) và cụ Lại Thị Th(chết năm 1990). Cụ Cvà cụ Th chung sống với nhau có các con gồm: bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị N, Ông Nguyễn Văn Nh, ông Nguyễn Văn Th (chết năm 1999 có vợ là bà H) và bà Nguyễn Thị Ph. Năm 1985, Cụ C và cụ Th có chia cho các con mỗi người một phần đất ruộng cụ thể và ai cũng đã được cơ quan NHà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong. Riêng phần đất thổ cư diện tích 2161m^2 thuộc thửa 148 tờ bản đồ số 9 tại Ô 4, khu A, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thì cụ Th chia cho ông Nh và ông TH là hai người con trai được hưởng nhưng do ông Nh phải đi làm ăn xa nên có thỏa thuận miệng giao lai phần đất trên cho ông Th quản lý. Quá trình ông Th quản lý đất, đôi khi ông Nh có về nhắc lại chuyện đất đai trong các lần cúng giỗ gia đình được các tHành viên trong dòng họ nội ngoại đều biết. Năm 1999, ông Th chết thì bà H cùng các con đi làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và năm 2018 đã chuyển nhượng lại phần đất trên cho ông Tịnh, bà Mai với giá 3.800.000.000đồng. Nay bà Đ đại diện ông Nh yêu cầu bà H trả lại diện tích 1080m^2 thuộc thửa 148 tờ bản đồ số 9 tại Ô 4, khu A, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Tại phiên tòa, bà Đ đại diện cho ông Nh thay đổi yêu cầu khởi kiện. Bà Đ yêu cầu bà H trả lại 1/3 giá trị của số tiền 3.800.000.000đồng tương đương diện tích 1080m^2 thuộc thửa 148 tờ bản đồ số 9 tại Ô 4, khu A, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An mà bà H đã bán.

Bị đơn bà Đặng Thị Thu H (Đặng Thu Hà) do Ông Thái Hoàng D đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông Nguyễn Văn T là chồng của bà H. Ông D thống nhất về mối quan hệ huyết thống giữa bà H với các cô chú, họ tên ông bà, cha mẹ, thời gian ông bà, cha mẹ chết như ông Nh trình là đúng. Khi cụ Thcòn sống

cụ Th đã chia cho các con mỗi người một phần đất ruộng, ông Nh đã được chia đất ruộng, các con đã nhận đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng phần đất diện tích 2.161m^2 thuộc thửa 148, loại đất ODT, tờ bản đồ số 9 tại Ô 4, khu A, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vợ chồng ông T đã được cụ Th cho từ trước năm 1975, sử dụng ổn định sử dụng từ trước năm 1975 đến nay và đăng ký, kê khai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định của pháp luật. Ông Nh cho rằng đã được cụ Thcho một phần thửa là không đúng, phần đất này không phải của ông Nh nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Nh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: Bà là con ruột của bà H và ông T, bà thống nhất theo lời trình bày của bà H và bà Tú không có ý kiến tranh chấp gì trong vụ án này, đồng thời xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Minh Q trình bày: ông là chồng của bà Tú và hiện nay đang sống cùng với bà H. Việc các bên tranh chấp ông không có ý kiến và thống nhất theo lời trình bày của bà H, ông yêu cầu vắng mặt khi giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Huỳnh Thị Thu Ph trình bày: Bà là con ruột của bà H. Hiện bà Phương đã có chồng và đang sống cùng với bà H. Việc các bên tranh chấp bà Phương không có ý kiến và thống nhất theo lời trình bày của bà H, bà yêu cầu vắng mặt khi giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Vòng La Hoài M trình bày: Ông là chồng của bà Phương và hiện nay đang sống cùng với bà H. Việc các bên tranh chấp ông Minh không có ý kiến và thống nhất theo lời trình bày của bà H, ông xin vắng mặt khi giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Phan Văn T và Bà Đặng Thị Ngọc M trình bày: Vào ngày 26/11/2018, ông Tịnh và bà H có mua diện tích đất 2161m^2 thuộc thửa 148 tờ bản đồ số 9 tại Ô 4, khu A, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An do Bà Đặng Thu H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 3.800.000.000đồng. Sau đó, hai bên đến Văn phòng công chứng Võ Văn Ninh làm thủ tục chuyển nhượng và được UBND huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tịnh. Nay ông Nh yêu cầu bà H trả lại 1/3 giá trị của số tiền 3.800.000.000đồng tương đương diện tích 1080m^2 thuộc thửa 148 tờ bản đồ số 9 tại Ô 4, khu A, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An mà bà H đã bán thì ông Tịnh, bà Mai không có ý kiến gì. Ông Tịnh, bà Mai xin vắng mặt khi giải quyết vụ án.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến Hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 202/2019/DS-ST ngày 12-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã căn cứ vào các Điều 35, Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 186, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 219, Điều 223, Điều 226 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 207, Điều 213,

Điều 218, Điều 216, Điều 219, Điều 220 của Bộ luật dân sự 2015; các Điều 100, Điều 166 của Luật đất đai 2013; án lệ số 24/2018/AL theo Quyết định công bố số 269/QĐ-CA ngày 06/11/2018; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 2014 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Nh "tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất" với Bà Đặng Thu H (Đặng Thị Thu H).

Buộc Bà Đặng Thu H (Đặng Thị Thu H) có trách nhiệm trả lại cho Ông Nguyễn Văn Nh số tiền 1.266.667.000đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi Hành án của người được thi Hành án cho đến khi thi Hành xong tất cả các khoản tiền, Hàng tháng bên phải thi Hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi Hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Đặng Thu H (Đặng Thị Thu H) không phải chịu án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi Hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật,

Ngày 22/11/2019 bị đơn bà Đặng Thị Thu H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn bà Đặng Thị Thu H do Ông Thái Hoàng D đại diện trình bày nội dung kháng cáo: Khi còn sống cụ Thcó chia cho các con mỗi người một phần đất ruộng lúa, tất cả các con đều nhận đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng thửa 148, loại đất ODT ông T, bà H đã được cụ Thcho từ trước năm 1975, ông T, bà H trực tiếp sử dụng đất liên tục trên 30 năm, quá trình sử dụng đất ông T đã kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Không có việc cụ Thcho ông Nh một phần thửa 148 nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn Ông Nguyễn Văn Nh do Bà Nguyễn Ngọc Đ trình bày: Năm 1985, khi cụ Thcòn sống cụ Thcó cho ông Nh và các anh chị em của ông Nh mỗi người một phần đất lúa, ông Nh đã nhận đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài việc được cụ Thcho đất lúa, thì ông Nh còn được cụ Thcho một phần đất thổ chưa được nhận đất và chưa đứng tên, việc cho đất chỉ nói miệng nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp Hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp Hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Năm 1985 cụ Thchia đất cho các con mỗi người một phần đất lúa, các con của cụ Thđã nhận đất. Riêng phần đất diện tích 2161m^2, thuộc thửa đất số 148 loại đất ODT, tờ bản đồ số 9, tại Ô 4, khu A, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nguyên đơn cho rằng cụ Thđã chia cho ông Nh một phần và nhờ ông T canh tác và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được bị đơn thừa nhận, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Ông Nh không có quá trình sử dụng đất. Nguồn gốc phần đất này ông T sử dụng liên tục trên 30 năm, không ai tranh chấp nên đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị Thu H được làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Về vắng mặt của các đương sự: Xét thấy tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn có mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; các đương sự vắng mặt thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến Hành xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị Thu H, thấy rằng:

[3.1] Cụ Nguyễn Văn Cầu (chết năm 1949) và cụ Lại Thị Thạnh (chết năm 1990). Cụ Cvà cụ Thcó các người con gồm bà Nguyễn Thị Bìa (đã chết), bà Nguyễn Thị Nhặt (hiện không còn minh mẫn), Ông Nguyễn Văn T (đã chết), bà Nguyễn Thị Phẩm (đã chết), Ông Nguyễn Văn Nh. Năm 1985, cụ Thphân chia cho tất cả các con mỗi người một phần đất lúa, các con đã được cơ quan NHà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng đất ổn định đến nay không ai tranh chấp.

[3.2] Riêng thửa đất số 148 diện tích 2.161m^2, loại đất ODT, tờ bản đồ số 9, tại Ô 4, khu A, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nguyên đơn cho rằng cụ Thđã chia cho ông Nh, ông T vào năm 1985 cùng thời điểm cho các con đất lúa nhưng do ông Nh đi làm ăn xa nên thỏa thuận miệng tạm để cho ông T đứng tên kê khai đất, sau này giao lại cho ông Nh. Bị đơn bà Đặng Thị Thu H do Ông Thái Hoàng D đại diện không thừa nhận lời trình bày của ông Nh đồng thời xác định ông T đã được cụ Thcho thửa đất số 148 từ trước năm 1975, ông

Thạnh, bà H trực tiếp sử dụng đất liên tục trên 30 năm, quá trình sử dụng đất ông Thạnh đã kê khai đăng ký, sau khi ông Thạnh chết thì bà H tiếp tục kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Nh không cung cấp được giấy tờ, tài liệu chứng minh chứng đã được cụ Thcho một phần thửa đất số 148.

[3.3] Những người làm chứng do ông Nh cung cấp gồm ông Nguyễn Thạnh Lợi (là em chú bác với cụ Cầu, cụ Th) và ông Trần Văn Ếch (là em bạn dì với cụ Cầu, cụ Th) trình bày có nghe nói khoảng năm 1976-1977 cụ Thcó chia cho 05 người con mỗi người một phần đất lúa, các con của cụ Thđã nhận đất lúa; còn đất thổ cụ Thnói cho ông T và ông Nh, đến nay ông Nh chưa nhận đất thổ. Ngoài ra, những người con của bà Bìa, bà Nhặt có lời khai chỉ biết khi còn sống cụ Thđã chia đất lúa tại ấp Bình Hữu 1, xã Đức Hòa Hạ cho các con mỗi người một phần, cha mẹ các ông, bà đã nhận đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sử dụng ổn định đến nay.

Thấy rằng, từ những lời khai của người làm chứng này không đủ chứng cứ chứng minh ông Nh đã được cụ Thtặng cho một phần đất thổ thuộc một phần thửa 148. Bởi lẽ, những người làm chứng này không phải là một trong những người được cụ Thcho đất và cũng không chứng kiến việc cụ Thphân chia thửa đất 148. Chính ông Nh và người đại diện thừa nhận ông Nh và các anh em đã nhận phần đất lúa từ năm 1985, đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định thì nếu như cùng thời điểm này ông Nh cũng được cụ Thcho đất thổ thì không lý do gì trong suốt thời gian trên 30 năm ông Nh không đăng ký để được công nhận phần đất thổ. Từ đó có đủ căn cứ xác định thực tế ông Nh chỉ được cụ Thcho đất lúa, không được cụ Thcho đất thổ thuộc thửa 148. Nguyên đơn còn cho rằng đã nhờ ông T giữ dùm đất nhưng không được bị đơn thừa nhận, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Mặt khác, khi còn sống cụ Cầu, cụ Thcũng không được nHà nước công nhận quyền sử dụng phần đất này. Trong khi đó, gia đình ông T là người trực tiếp sử dụng đất trên 30 năm, không ai tranh chấp. Ông Nh cũng không có quá trình sử dụng đất thửa 148 trên thực tế. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng ông Nh đã được cụ Thcho một phần thửa 148 trên thực tế, đã điều chỉnh trên sổ sách là thiếu cơ sở vững chắc, không thuộc trường hợp áp dụng án lệ số 24/2018/AL theo Quyết định công bố số 269/QĐ-CA ngày 06/11/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao. Kháng cáo của bà H là có căn cứ nên được chấp nhận, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nh về việc đòi tài sản là quyền sử dụng đất với giá trị 1.266.667.000đồng. Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[4] Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng ngày 26/11/2018 được xác lập giữa bà H và ông Tịnh đối với thửa 148 diện tích đất 2.161m^2 thuộc tờ bản đồ số 9 tại Ô4, khu A, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An các đương sự không tranh chấp, không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Các khoản khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi Hành.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nh theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 2014 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bà Đặng Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị Thu H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 202/2019/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 186, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 219, Điều 223, Điều 226 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 207, Điều 213, Điều 218, Điều 216, Điều 219, Điều 236 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, Điều 166 của Luật đất đai 2013; điểm đ Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 2014 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Nh đối với bà Đặng Thị Thu H (Đặng Thu Hà) về việc tranh chấp đòi tài sản là giá trị quyền sử dụng đất với số tiền 1.266.667.000đồng (một tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho Ông Nguyễn Văn Nh theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 2014 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Về hiệu lực của bản án: Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

Huỳnh Thị Phượng - Trịnh Thị Phúc **Huỳnh Thị Hồng Vân**